

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-4-2021  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Út.
2. Ông Trần Văn Dá.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Vũ P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh N trình bày:

Năm 1996, bà và ông P tổ chức lễ cưới rồi về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con, chung tên Huỳnh Thị Ái N, sinh năm

1999 đã kết hôn và hiện đang sinh sống tại nhà chồng, con thứ hai là Huỳnh Quốc H, sinh năm 2004 đang sống với hai vợ chồng bà. Hôn nhân của bà không hạnh phúc do có bất đồng trong quan điểm sống, khoảng 02 năm gần đây thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông P thường xuyên ghen tuông cho rằng bà có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng sống chung nhà nhưng không nói chuyện hoặc trao đổi công việc với nhau. Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông P, được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Quốc H và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Vũ P trình bày:

Giữa ông và bà N là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Ái N, sinh năm 1999 đã trưởng thành và con nhỏ là Huỳnh Quốc H, sinh năm 2004 hiện đang sống với vợ chồng ông. Do vợ có tình cảm khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân khoảng 02 năm. Ông không đồng ý ly hôn do vợ chồng hiện đang nuôi con chung nên đề nghị tiếp tục ly thân để cùng nuôi con đến khi trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên nhận định theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ của bà N và ông P là nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà N và ông P là vợ chồng. Giao cho bà N được nuôi dưỡng con chung là Quốc H đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo bà N và ông P trình bày thì hôn nhân của hai người được xác lập dựa trên cơ sở gia đình tổ chức lễ cưới rồi về chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau thời gian dài chung sống, đến khoảng năm 2018 giữa các đương sự không còn tìm được tiếng nói

chung và thường xuyên cự cãi làm cho đời sống chung không hạnh phúc. Trình bày của các đương sự phù hợp nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị ngày 16/11/2020 (bl 11) và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L ngày 09/3/2021 (bl 42) là các đương sự không đăng ký kết hôn. Từ cơ sở trên có căn cứ xác định thời điểm về chung sống với nhau giữa bà N và ông P không tiến hành đăng ký kết hôn và cũng không đăng ký kết hôn lại theo quy định. Nay bà N yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ...”*. Khoản 1 Điều 14 Luật này quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định nêu trên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà N và ông P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Giữa bà N và ông P có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Ái N, sinh năm 1999 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 05/12/2004. Xét thấy, con chung là Ái Nguyên đã trưởng thành và bà N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Quốc H có nguyện vọng sống với mẹ, bà N tôn trọng và đồng ý nuôi cháu Huy theo nguyện vọng của con, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho bà N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giành quyền thăm nom con chung cho ông P là đúng quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông P.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh N phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Huỳnh N và ông Huỳnh Vũ P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Quốc H, sinh ngày 05/12/2004 cho bà Lê Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, ông Huỳnh Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Huỳnh Vũ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung, nợ chung (nghĩa vụ về tài sản): Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003340 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bà N đã nộp xong án phí.

Ông P không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**